

THÔNG BÁO

**V/v Công bố danh sách phương tiện và đơn vị kinh doanh vận tải
đã được cấp từ ngày 01/11/2023 đến ngày 30/11/2023.**

Căn cứ Nghị định 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ Quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước thông báo công bố danh sách phương tiện và đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp từ ngày 01/11/2023 đến ngày 30/11/2023 như sau:

(Phụ lục kèm theo)

Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước thông tin đến các tổ chức, cá nhân để biết phối hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Cục ĐBVN (để b/c);
- Phòng CSGT - Công an tỉnh (p/h);
- Ban Giám đốc Sở;
- Website Sở, Phòng QLVTPTNL, Thanh tra GTVT;
- Lưu: VT.



Đỗ Văn Phong





Phụ lục 1

Danh sách cấp Phù hiệu xe tuyến cố định

(Kèm theo Thông báo số 49 /TB-SGTVT ngày 06 /12/2023 của Sở GTVT Bình Phước)

STT	Biển kiểm soát	Số phù hiệu	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	50LD11681	CĐ7023000197	07/11/2023	05/10/2024
2	50LD11705	CĐ7023000198	07/11/2023	05/10/2024
3	93B00762	CĐ7023000199	08/11/2023	27/11/2024
4	93E00056	CĐ7023000202	17/11/2023	05/10/2024
5	94F00139	CĐ7023000208	22/11/2023	04/04/2025
6	94F00138	CĐ7023000209	22/11/2023	04/04/2025
7	47F00504	CĐ7023000213	23/11/2023	22/11/2024
8	93F00549	CĐ7023000216	27/11/2023	22/11/2024
9	93B00726	CĐ7023000218	27/11/2023	22/11/2024
10	50LD11843	CĐ7023000224	29/11/2023	05/10/2024
11	50H30095	CĐ7023000228	30/11/2023	04/04/2025
12	50H30442	CĐ7023000229	30/11/2023	04/04/2025
13	50LD11806	CĐ7023000236	30/11/2023	05/10/2024
14	50LD11850	CĐ7023000237	30/11/2023	05/10/2024
15	93F00220	CĐ7023000230	30/11/2023	05/10/2024
16	50F04511	CĐ7023000231	30/11/2023	27/11/2024
17	47F00518	CĐ7023000226	30/11/2023	22/11/2024



Phụ lục 2

Danh sách cấp Phù hiệu xe hợp đồng

(Kèm theo Thông báo số 149 /TB-SGTVT ngày 06 /12/2023 của Sở GTVT Bình Phước)

STT	Biển kiểm soát	Số phù hiệu	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	93F00706	HĐ7023000417	07/11/2023	13/11/2030
2	93F00176	HĐ7023000421	09/11/2023	13/11/2030
3	93F00694	HĐ7023000423	09/11/2023	13/11/2030
4	93F00105	HĐ7023000295	13/11/2023	29/11/2027
5	93G00102	HĐ7023000426	13/11/2023	01/04/2026
6	93F00107	HĐ7023000436	13/11/2023	27/04/2026
7	93F00225	HĐ7023000437	13/11/2023	27/04/2026
8	93F00214	HĐ7023000439	13/11/2023	27/04/2026
9	61B00250	HĐ7023000443	14/11/2023	27/04/2026
10	51B21213	HĐ7023000447	17/11/2023	27/04/2026
11	53N8844	HĐ7023000448	19/11/2023	27/04/2026
12	93F00722	HĐ7023000449	20/11/2023	27/04/2026
13	93F00091	HĐ7023000452	20/11/2023	27/04/2026
14	93G00159	HĐ7023000455	22/11/2023	05/10/2024
15	50H29531	HĐ7023000457	22/11/2023	05/10/2024
16	51B27387	HĐ7023000458	22/11/2023	13/11/2025
17	93F00643	HĐ7023000460	22/11/2023	14/11/2024
18	64H7013	HĐ7023000461	22/11/2023	22/11/2024
19	93H04148	HĐ7023000462	22/11/2023	30/11/2024
20	93F00577	HĐ7023000463	23/11/2023	20/11/2024
21	93B00704	HĐ7023000468	27/11/2023	09/11/2028
22	93B00644	HĐ7023000469	27/11/2023	07/11/2024
23	93F00011	HĐ7023000493	29/11/2023	09/11/2024
24	93F00013	HĐ7023000494	29/11/2023	19/11/2024
25	93F00030	HĐ7023000496	29/11/2023	22/11/2024
26	93F00074	HĐ7023000497	29/11/2023	22/11/2024
27	53N6759	HĐ7023000501	30/11/2023	22/11/2030
28	93F00218	HĐ7023000504	30/11/2023	27/11/2028
29	93F00008	HĐ7023000505	30/11/2023	22/11/2026
30	93F00015	HĐ7023000506	30/11/2023	27/11/2028
31	93F00086	HĐ7023000507	30/11/2023	22/11/2030
32	93F00096	HĐ7023000508	30/11/2023	23/11/2030
33	50LD11993	HĐ7023000512	30/11/2023	31/12/2029





Phụ lục 3

Danh sách cấp Phù hiệu xe công-ten-nơ

(Kèm theo Thông báo số 149 /TB-SGTVT ngày 06 /12/2023 của Sở GTVT Bình Phước)

STT	Biển kiểm soát	Số phù hiệu	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	93E00331	CO7023000554	02/11/2023	02/11/2024
2	93F00275	CO7023000555	06/11/2023	06/11/2030
3	93F00294	CO7023000557	07/11/2023	07/11/2030
4	93H04400	CO7023000558	07/11/2023	07/11/2024
5	93G00087	CO7023000556	07/11/2023	07/11/2025
6	93F00244	CO7023000562	16/11/2023	16/11/2026
7	93H04573	CO7023000566	19/11/2023	19/11/2030
8	93H03929	CO7023000569	22/11/2023	22/11/2030
9	93H03579	CO7023000570	22/11/2023	22/11/2030
10	93F00203	CO7023000577	22/11/2023	22/11/2030
11	93H04597	CO7023000573	22/11/2023	22/11/2028
12	93F00310	CO7023000571	22/11/2023	22/11/2030
13	93C04679	CO7023000581	23/11/2023	23/11/2030
14	93C05737	CO7023000579	23/11/2023	23/11/2026
15	93C10425	CO7023000580	23/11/2023	23/11/2026
16	93H03905	CO7023000582	23/11/2023	23/11/2028
17	93C06019	CO7023000583	24/11/2023	22/03/2024
18	93C09249	CO7023000587	27/11/2023	27/11/2030
19	93F00373	CO7023000586	27/11/2023	27/11/2025
20	93H04596	CO7023000590	30/11/2023	30/11/2030
21	93H04000	CO7023000591	30/11/2023	30/11/2024





Phụ lục 4

Danh sách cấp Phù hiệu xe đầu kéo

(Kèm theo Thông báo số 149 /TB-SGTVT ngày 06 /12/2023 của Sở GTVT Bình Phước)

STT	Biển kiểm soát	Số phù hiệu	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	93C03979	ĐK7023000391	16/11/2023	16/11/2030
2	93H04570	ĐK7023000398	22/11/2023	22/11/2028
3	93H04472	ĐK7023000402	22/11/2023	25/07/2028
4	93C06860	ĐK7023000406	23/11/2023	23/11/2028
5	93C12083	ĐK7023000407	23/11/2023	01/01/2028
6	93C12020	ĐK7023000408	23/11/2023	01/01/2028
7	93C05171	ĐK7023000409	23/11/2023	01/01/2028
8	93H04576	ĐK7023000380	06/11/2023	01/11/2030
9	93F00749	ĐK7023000387	15/11/2023	15/11/2024
10	93F00620	ĐK7023000396	20/11/2023	20/11/2025
11	93H02830	ĐK7023000397	22/11/2023	22/11/2030



Phụ lục 5
Danh sách cấp Phù hiệu xe tải

(Kèm theo Thông báo số 149 /TB-SGTVT ngày 06 /12/2023 của Sở GTVT Bình Phước)

STT	Biển kiểm soát	Số phù hiệu	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	93F03568	XT7023002706	01/11/2023	01/11/2026
2	93F00415	XT7023002713	01/11/2023	01/11/2025
3	93C13733	XT7023002707	01/11/2023	06/08/2025
4	93H01599	XT7023002710	01/11/2023	01/11/2024
5	93H03307	XT7023002714	01/11/2023	01/11/2024
6	93H04174	XT7023002711	01/11/2023	01/11/2024
7	93C07304	XT7023002709	01/11/2023	01/11/2025
8	93C06993	XT7023002720	02/11/2023	02/11/2030
9	93H9477	XT7023002722	02/11/2023	02/11/2030
10	93C08648	XT7023002721	02/11/2023	02/11/2030
11	93C09764	XT7023002725	02/11/2023	02/11/2030
12	93C09712	XT7023002724	02/11/2023	02/11/2030
13	93C09898	XT7023002726	02/11/2023	02/11/2030
14	93C10409	XT7023002731	02/11/2023	30/10/2030
15	93C10640	XT7023002732	02/11/2023	30/10/2030
16	93C11163	XT7023002727	02/11/2023	02/11/2030
17	93C11342	XT7023002728	02/11/2023	02/11/2030
18	93C09693	XT7023002723	02/11/2023	02/11/2030
19	93C11682	XT7023002729	02/11/2023	02/11/2030
20	93C11946	XT7023002730	02/11/2023	02/11/2030
21	93C12033	XT7023002735	02/11/2023	30/10/2030
22	93C11678	XT7023002733	02/11/2023	30/10/2030
23	93C13434	XT7023002734	02/11/2023	30/10/2030
24	93H00888	XT7023002768	02/11/2023	30/10/2030
25	93N2604	XT7023002752	02/11/2023	02/11/2030
26	93H4034	XT7023002745	02/11/2023	31/12/2029
27	93H4045	XT7023002742	02/11/2023	31/12/2029
28	93H4062	XT7023002741	02/11/2023	31/12/2029
29	93H4025	XT7023002740	02/11/2023	31/12/2029
30	93H4063	XT7023002737	02/11/2023	31/12/2029
31	93C01608	XT7023002757	02/11/2023	02/11/2030
32	93C01563	XT7023002759	02/11/2023	02/11/2030
33	93C02942	XT7023002751	02/11/2023	02/11/2030
34	93C02967	XT7023002750	02/11/2023	02/11/2030
35	93C07330	XT7023002754	02/11/2023	02/11/2030
36	93C07217	XT7023002753	02/11/2023	02/11/2030
37	93C07163	XT7023002755	02/11/2023	02/11/2030
38	93C05219	XT7023002749	02/11/2023	02/11/2030
39	93H6611	XT7023002748	02/11/2023	02/11/2030
40	93H4036	XT7023002758	02/11/2023	31/12/2029
41	93H04299	XT7023002719	02/11/2023	02/11/2028
42	93C13334	XT7023002718	02/11/2023	02/11/2024





STT	Biển kiểm soát	Số phù hiệu	Ngày cấp	Ngày hết hạn
43	93H00242	XT7023002764	02/11/2023	02/11/2024
44	93H01555	XT7023002765	02/11/2023	02/11/2024
45	93H01719	XT7023002763	02/11/2023	02/11/2024
46	93H01696	XT7023002717	02/11/2023	02/11/2024
47	93C01066	XT7023002785	03/11/2023	03/11/2030
48	93C01069	XT7023002777	03/11/2023	03/11/2030
49	93C01605	XT7023002782	03/11/2023	03/11/2030
50	93C01607	XT7023002786	03/11/2023	03/11/2030
51	93C01606	XT7023002790	03/11/2023	03/11/2030
52	93C01565	XT7023002788	03/11/2023	03/11/2030
53	93C01562	XT7023002784	03/11/2023	03/11/2030
54	93C04470	XT7023002789	03/11/2023	03/11/2030
55	93C04644	XT7023002787	03/11/2023	03/11/2030
56	93C04526	XT7023002792	03/11/2023	03/11/2030
57	93C07391	XT7023002775	03/11/2023	03/11/2030
58	93C07207	XT7023002791	03/11/2023	03/11/2030
59	93C07184	XT7023002783	03/11/2023	03/11/2030
60	93C07106	XT7023002776	03/11/2023	03/11/2030
61	93C07222	XT7023002778	03/11/2023	03/11/2030
62	93C03031	XT7023002781	03/11/2023	03/11/2030
63	93H02817	XT7023002769	03/11/2023	03/11/2024
64	93H03455	XT7023002774	03/11/2023	03/11/2028
65	93H03689	XT7023002770	03/11/2023	03/11/2025
66	93H01510	XT7023002771	03/11/2023	03/11/2024
67	48E00177	XT7023002772	03/11/2023	03/11/2024
68	93F00709	XT7023002773	03/11/2023	03/11/2024
69	93C06859	XT7023002818	06/11/2023	06/11/2030
70	93C04609	XT7023002816	06/11/2023	06/11/2030
71	93C05785	XT7023002815	06/11/2023	06/11/2030
72	93C05074	XT7023002806	06/11/2023	31/12/2029
73	93C06055	XT7023002807	06/11/2023	28/10/2030
74	93C02722	XT7023002805	06/11/2023	28/10/2030
75	93C05396	XT7023002819	06/11/2023	06/11/2030
76	93C05643	XT7023002817	06/11/2023	06/11/2030
77	93H00219	XT7023002808	06/11/2023	28/10/2030
78	93H01247	XT7023002809	06/11/2023	28/10/2030
79	93H01765	XT7023002803	06/11/2023	28/10/2030
80	93H02895	XT7023002802	06/11/2023	28/10/2030
81	48H00565	XT7023002826	06/11/2023	06/11/2024
82	93H01718	XT7023002828	06/11/2023	06/11/2025
83	93C12598	XT7023002795	06/11/2023	06/11/2024
84	93C04312	XT7023002797	06/11/2023	06/11/2025
85	93C02359	XT7023002796	06/11/2023	06/11/2025
86	93H00193	XT7023002800	06/11/2023	06/11/2024
87	93H00243	XT7023002822	06/11/2023	06/11/2024

STT	Biển kiểm soát	Số phù hiệu	Ngày cấp	Ngày hết hạn
88	61C48561	XT7023002798	06/11/2023	06/11/2024
89	93H01429	XT7023002801	06/11/2023	06/08/2025
90	93H01676	XT7023002823	06/11/2023	06/11/2024
91	93C11651	XT7023002820	06/11/2023	06/11/2024
92	93C12531	XT7023002799	06/11/2023	06/11/2024
93	93C03895	XT7023002829	07/11/2023	28/10/2030
94	48H01378	XT7023002834	07/11/2023	07/11/2024
95	93H03546	XT7023002839	07/11/2023	07/11/2024
96	93F00260	XT7023002836	07/11/2023	07/11/2024
97	93H02675	XT7023002835	07/11/2023	07/11/2024
98	93H03668	XT7023002837	07/11/2023	06/08/2025
99	93H01587	XT7023002830	07/11/2023	07/11/2024
100	93H01613	XT7023002832	07/11/2023	06/08/2025
101	93F00447	XT7023002833	07/11/2023	07/11/2024
102	93H00667	XT7023002842	08/11/2023	08/11/2026
103	54Z5397	XT7023002841	08/11/2023	08/11/2024
104	93C04222	XT7023002847	09/11/2023	12/12/2024
105	76H02217	XT7023002850	09/11/2023	09/11/2024
106	93E00282	XT7023002851	09/11/2023	09/11/2024
107	93H03630	XT7023002857	09/11/2023	09/12/2027
108	93F00306	XT7023002843	09/11/2023	09/11/2027
109	93F00309	XT7023002855	09/11/2023	09/11/2025
110	93E00419	XT7023002854	09/11/2023	09/11/2024
111	93C07586	XT7023002849	09/11/2023	09/11/2026
112	93F00514	XT7023002846	09/11/2023	06/08/2025
113	93F00405	XT7023002848	09/11/2023	09/11/2024
114	93H04270	XT7023002866	13/11/2023	06/07/2030
115	93C01540	XT7023002886	13/11/2023	13/11/2030
116	93C01067	XT7023002877	13/11/2023	13/11/2030
117	93C01068	XT7023002884	13/11/2023	13/11/2030
118	93H4035	XT7023002879	13/11/2023	31/12/2029
119	93H4026	XT7023002880	13/11/2023	31/12/2029
120	93H4043	XT7023002885	13/11/2023	31/12/2029
121	93C01609	XT7023002883	13/11/2023	13/11/2030
122	93C02936	XT7023002881	13/11/2023	13/11/2030
123	93C07245	XT7023002882	13/11/2023	13/11/2030
124	93C07252	XT7023002876	13/11/2023	13/11/2030
125	93H4016	XT7023002878	13/11/2023	31/12/2029
126	93C09773	XT7023002887	13/11/2023	13/11/2030
127	93H01496	XT7023002894	13/11/2023	13/11/2024
128	93H01487	XT7023002865	13/11/2023	13/11/2026
129	93H03686	XT7023002862	13/11/2023	13/11/2024
130	50H21000	XT7023002872	13/11/2023	13/11/2024
131	50H20987	XT7023002870	13/11/2023	13/11/2024
132	50H20850	XT7023002871	13/11/2023	13/11/2024

STT	Biển kiểm soát	Số phù hiệu	Ngày cấp	Ngày hết hạn
133	93H01783	XT7023002873	13/11/2023	13/11/2025
134	93C10728	XT7023002867	13/11/2023	13/11/2024
135	93H03812	XT7023002858	13/11/2023	13/11/2028
136	93H01639	XT7023002890	13/11/2023	13/11/2024
137	93E00115	XT7023002864	13/11/2023	13/11/2025
138	93G00092	XT7023002868	13/11/2023	13/11/2024
139	93F00318	XT7023002875	13/11/2023	13/11/2024
140	93H02380	XT7023002888	13/11/2023	13/11/2024
141	93G00008	XT7023002889	13/11/2023	13/11/2024
142	93H03527	XT7023002859	13/11/2023	13/11/2024
143	93C14560	XT7023002860	13/11/2023	18/07/2025
144	93H01792	XT7023002895	13/11/2023	13/11/2024
145	93F00717	XT7023002863	13/11/2023	06/08/2025
146	48H00080	XT7023002904	14/11/2023	14/11/2024
147	93H01435	XT7023002897	14/11/2023	14/11/2024
148	93H03877	XT7023002902	14/11/2023	14/11/2024
149	93H03665	XT7023002905	14/11/2023	14/11/2024
150	93E00104	XT7023002906	14/11/2023	14/11/2024
151	93H01400	XT7023002901	14/11/2023	06/08/2025
152	93C03117	XT7023002896	14/11/2023	06/08/2025
153	93H01789	XT7023002898	14/11/2023	14/11/2024
154	61H04852	XT7023002899	14/11/2023	14/11/2024
155	93C10471	XT7023002911	15/11/2023	22/11/2024
156	48H00268	XT7023002909	15/11/2023	15/11/2024
157	93H04407	XT7023002912	15/11/2023	15/11/2024
158	93H04253	XT7023002913	15/11/2023	15/11/2026
159	93H01974	XT7023002910	15/11/2023	06/08/2025
160	93H01778	XT7023002915	16/11/2023	16/11/2024
161	93H01678	XT7023002916	16/11/2023	16/11/2024
162	93C13740	XT7023002918	17/11/2023	17/11/2024
163	93C02397	XT7023002921	17/11/2023	28/06/2024
164	93C02817	XT7023002927	17/11/2023	28/06/2024
165	93C02592	XT7023002922	17/11/2023	28/06/2024
166	93C02614	XT7023002920	17/11/2023	28/06/2024
167	93C02842	XT7023002926	17/11/2023	28/06/2024
168	93H00271	XT7023002925	17/11/2023	28/06/2024
169	93H03587	XT7023002924	17/11/2023	28/06/2024
170	93C07842	XT7023002919	17/11/2023	17/11/2024
171	93H03515	XT7023002941	19/11/2023	19/11/2025
172	93H03483	XT7023002938	19/11/2023	19/11/2024
173	93H03539	XT7023002936	19/11/2023	19/11/2024
174	93F00462	XT7023002939	19/11/2023	19/11/2029
175	93N1382	XT7023002931	19/11/2023	06/08/2025
176	93H00344	XT7023002932	19/11/2023	06/08/2025
177	93H03255	XT7023002929	19/11/2023	19/11/2024

STT	Biển kiểm soát	Số phù hiệu	Ngày cấp	Ngày hết hạn
178	93H00335	XT7023002950	20/11/2023	20/11/2025
179	48H01349	XT7023002947	20/11/2023	20/11/2024
180	37C08905	XT7023002952	20/11/2023	20/11/2024
181	67M2820	XT7023002953	20/11/2023	20/11/2024
182	93H04448	XT7023002955	20/11/2023	20/11/2025
183	93E00044	XT7023002956	20/11/2023	20/11/2024
184	93G00146	XT7023002957	20/11/2023	20/11/2024
185	93H03051	XT7023002942	20/11/2023	20/11/2024
186	93H01205	XT7023002959	20/11/2023	06/08/2025
187	61H00694	XT7023002948	20/11/2023	20/11/2024
188	93H02892	XT7023002949	20/11/2023	20/11/2024
189	93H04418	XT7023002951	20/11/2023	20/11/2030
190	93E00338	XT7023002964	21/11/2023	21/11/2024
191	93C13753	XT7023002963	21/11/2023	21/11/2024
192	93H01049	XT7023002961	21/11/2023	06/08/2025
193	93C13792	XT7023002967	22/11/2023	21/11/2025
194	93H04336	XT7023002981	22/11/2023	22/11/2024
195	47H00512	XT7023002984	22/11/2023	22/11/2025
196	93C08827	XT7023002982	22/11/2023	22/11/2025
197	93H03650	XT7023002974	22/11/2023	22/11/2024
198	48H00568	XT7023002976	22/11/2023	22/11/2024
199	93H03615	XT7023002970	22/11/2023	22/11/2024
200	93C12372	XT7023002980	22/11/2023	22/11/2025
201	93H04075	XT7023002973	22/11/2023	22/11/2024
202	93H04445	XT7023002977	22/11/2023	22/11/2025
203	93H01547	XT7023002971	22/11/2023	22/11/2024
204	93H02268	XT7023002978	22/11/2023	22/11/2024
205	93H03857	XT7022002741	22/11/2023	22/11/2024
206	93H03885	XT7023002965	22/11/2023	22/11/2024
207	93H03828	XT7023002972	22/11/2023	22/11/2024
208	48H00236	XT7023002975	22/11/2023	22/11/2024
209	93H01938	XT7023002979	22/11/2023	22/11/2025
210	93C13615	XT7023002995	23/11/2023	23/11/2024
211	93H01110	XT7023002990	23/11/2023	23/11/2024
212	93H00107	XT7023002986	23/11/2023	23/11/2024
213	93F00470	XT7023002994	23/11/2023	23/11/2024
214	93H03458	XT7023002985	23/11/2023	23/11/2027
215	93H01499	XT7023002987	23/11/2023	23/11/2024
216	61H05607	XT7023002992	23/11/2023	23/11/2024
217	93H00359	XT7023002996	23/11/2023	23/11/2025
218	93H03594	XT7023002999	24/11/2023	24/11/2025
219	93F00725	XT7023003006	24/11/2023	24/11/2025
220	93C10521	XT7023003007	24/11/2023	24/11/2024
221	93H02738	XT7023003001	24/11/2023	24/11/2024
222	93H01104	XT7023002998	24/11/2023	24/11/2024

STT	Biển kiểm soát	Số phù hiệu	Ngày cấp	Ngày hết hạn
223	93H01638	XT7023002997	24/11/2023	24/11/2024
224	93H01603	XT7023003004	24/11/2023	24/11/2024
225	93H01847	XT7023003003	24/11/2023	24/11/2024
226	93H01010	XT7023003005	24/11/2023	06/08/2025
227	93H00070	XT7023003000	24/11/2023	24/11/2024
228	93H01390	XT7023003009	26/11/2023	26/11/2026
229	93H04170	XT7023003015	27/11/2023	27/11/2029
230	93F00257	XT7023003017	27/11/2023	27/11/2026
231	93H04568	XT7023003018	27/11/2023	27/11/2026
232	93H01661	XT7023003013	27/11/2023	27/11/2024
233	48F00175	XT7023003012	27/11/2023	27/11/2024
234	61C49008	XT7023003016	27/11/2023	27/11/2028
235	93C13986	XT7023003021	28/11/2023	28/11/2024
236	93H03550	XT7023003031	28/11/2023	28/11/2025
237	93H03205	XT7023003019	28/11/2023	28/11/2025
238	93H03990	XT7023003022	28/11/2023	28/11/2024
239	93H03619	XT7023003023	28/11/2023	28/11/2024
240	93H03696	XT7023003024	28/11/2023	18/07/2025
241	77C02142	XT7023003030	28/11/2023	28/11/2024
242	93C05079	XT7023003020	28/11/2023	28/11/2028
243	93C00892	XT7023003034	29/11/2023	29/11/2030
244	93H01505	XT7023003035	29/11/2023	29/11/2030
245	93H01465	XT7023003036	29/11/2023	29/11/2030
246	93C13826	XT7023003033	29/11/2023	29/11/2024
247	93H03573	XT7023003032	29/11/2023	29/11/2025
248	93H02304	XT7023003048	30/11/2023	03/12/2026
249	93H02096	XT7023003049	30/11/2023	29/11/2026
250	93H00462	XT7023003051	30/11/2023	30/11/2024
251	93H01407	XT7023003054	30/11/2023	30/11/2025
252	93H02779	XT7023003041	30/11/2023	30/11/2025
253	93H03868	XT7023003046	30/11/2023	30/11/2027
254	72H00830	XT7023003052	30/11/2023	30/11/2024
255	93F00347	XT7023003055	30/11/2023	30/11/2025
256	48H00033	XT7023003040	30/11/2023	30/11/2024
257	62C02915	XT7023003039	30/11/2023	30/11/2024
258	93H00111	XT7023003043	30/11/2023	30/11/2024
259	93H00366	XT7023003050	30/11/2023	30/11/2024
260	93H00460	XT7023003045	30/11/2023	30/11/2025



Phụ lục 6
Danh sách cấp Phù hiệu xe taxi

(Kèm theo Thông báo số 149 /TB-SGTVT ngày 06 /12/2023 của Sở GTVT Bình Phước)

STT	Biển kiểm soát	Số phù hiệu	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	93E00133	TX7023000022	09/11/2023	09/11/2027
2	93A35288	TX7023000024	19/11/2023	19/11/2024



Phụ lục 7

Danh sách cấp Phù hiệu xe trung chuyển

(Kèm theo Thông báo số 149 /TB-SGTVT ngày 04 /12/2023 của Sở GTVT Bình Phước)

STT	Biên kiểm soát	Số phù hiệu	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	93G00038	TC7023000015	28/11/2023	05/10/2024



Danh sách cấp Giấy phép kinh doanh vận tải
(Kèm theo Thông báo số 149 /TB-SCTT ngày 06 /11/2023 của Sở GTVT Bình Phước)

STT	Tên đơn vị kinh doanh vận tải	Mã số thuế	Số Giấy phép KDV	Loại hình KDV	Ngày cấp	Ghi chú
1	Công ty TNHH DV VT Kiều Loan	3801288113	70230134/DN	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	14/11/2023	Cấp mới
2	Công ty TNHH XD CĐ Tài An	3801035585	70230141/DN	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	27/11/2023	Cấp lại

